TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-PT
Ngày 25-3-2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam và ông Triệu Ngọc Thức.
- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.
Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2025/TLPT-HNGĐ, ngày 04 tháng 02 năm 2025, về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 90/2024/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2025/QĐ-PT, ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.
Bị đơn: Anh **Đỗ Quốc H**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.
Người kháng cáo: Bị đơn anh **Đỗ Quốc H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đỗ Quốc H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 18/3/2011 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng cuối năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích ngày càng trầm trọng hơn, nên tôi về nhà bố mẹ đẻ ở xã P, huyện S ở đến nay vợ chồng sống ly thân. Vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần, nhưng không thành. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng thường xảy ra trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và thực tế vợ chồng sống ly thân nhiều tháng nay, nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đỗ Quốc H.

Về con chung: Tôi và anh Đỗ Quốc H có 02 người con chung là cháu Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 11/9/2012 và cháu Đỗ Phúc T2, sinh ngày 18/6/2019. Khi ly hôn, tôi đề nghị Toà án giao cháu Đỗ Phúc T2 cho tôi là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi nhất trí giao cháu Đỗ Ngọc T1 cho anh Đỗ Quốc H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung: Tôi và anh H không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh H không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Quốc H trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi xác định về thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như chị Nguyễn Thị T trình bày là hoàn toàn đúng. Theo tôi nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hòa hợp; vợ chồng không có tiếng nói chung và có nhiều bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nên vợ chồng sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng với chị T không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi nhất trí thuận tình ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Tôi và chị Nguyễn Thị T có 02 người con chung là cháu Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 11/9/2012; cháu Đỗ Phúc T2, sinh ngày 18/6/2019. Khi ly hôn, tôi đề nghị Toà án giao 02 cháu Đỗ Phúc T2 và cháu Đỗ Ngọc T1 cho tôi là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; tôi không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung: Tôi và chị T không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và chị T không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của cháu Đỗ Ngọc T1 có lưu trong hồ sơ thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống cùng với bố khi bố mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh D tại nơi cư trú tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Tháng 11/2024 chị T đã chuyển khẩu về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại địa phương; anh H là lao động tự do, chị T là công nhân Công ty TNHH S - Chi nhánh S1. Quá trình chung sống

thời gian đầu có hạnh phúc, sau xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không hiểu nhau; vợ chồng thường xảy ra xích mích, hiện đang sống ly thân.

Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đã xác minh, thu thập chứng cứ; hòa giải cho chị T, anh H về đoàn tụ vợ chồng, nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 90/2024/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Đỗ Quốc H**.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 36, ngày 18 tháng 3 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 11/9/2012 cho anh Đỗ Quốc H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao cháu Đỗ Phúc T2, sinh ngày 18/6/2019 cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Quốc H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/12/2024, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Quốc H, anh H kháng cáo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 90/2024/HNGĐ-ST, ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Nội dung kháng cáo anh H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết phúc thẩm cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là cháu Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 11/9/2012 và cháu Đỗ Phúc T2, sinh ngày 18/6/2019, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh H trình bày: Về quan hệ hôn nhân tôi vẫn nhất trí thuận tình ly hôn với chị T. Về tài sản chung; tài sản cho vay và vay nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết. Về con chung tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét từ khi tôi và chị T xảy ra mâu thuẫn, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở thì cháu Đỗ Ngọc T1 và cháu Đỗ Phúc T2 đều do tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị T vẫn đi lại thăm nom con chung. Tôi xác định 02 cháu đang ở cùng nhau trực tiếp với tôi ở thị trấn S, huyện S thì sẽ có điều kiện sinh sống, học tập phát triển tốt hơn ở với chị T, do vậy đề nghị giao cháu Đỗ Ngọc T1, cháu Đỗ Phúc T2 cho tôi là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; tôi không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi và chị T được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân tôi vẫn nhất trí thuận tình ly hôn với anh H. Về tài sản chung; tài sản cho vay và vay nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết. Về con chung tôi xin sửa đổi bổ sung là kể từ khi Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho tôi và anh H thuận tình ly hôn đến nay, thì cháu Đỗ Ngọc T1 và cháu Đỗ Phúc T2 đều do anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tôi vẫn đi lại thăm nom con chung. Tôi thấy rằng 02 cháu đang ở cùng nhau trực tiếp với anh H ở thị trấn S, huyện S thì sẽ có điều kiện sinh sống, học tập phát triển tốt hơn ở với tôi, do vậy tôi nhất trí và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao cháu Đỗ Ngọc T1, cháu Đỗ Phúc T2 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H và tôi có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tiền án phí, tại phiên tòa phúc thẩm anh H và chị T cùng nhau tự thỏa thuận, anh H chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

* Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa Phúc thẩm; sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Quốc H là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

* Căn cứ Điều 147; 148; Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 90/2024/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, về phần con chung là công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 11/9/2012 và cháu Đỗ Phúc T2, sinh ngày 18/6/2019 cho anh Đỗ Quốc H trực tiếp trông nom, chắm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Do anh Đỗ Quốc H không có yêu cầu, nên chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm anh H và chị T cùng nhau tự thỏa thuận về án phí, nên anh H chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 31/12/2024, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Quốc H đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 90/2024/HNGĐ-ST, ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh H kháng cáo với nội dung không nhất trí việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm giải quyết giao cho chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Phúc T2, sinh ngày 18/6/2019.

Xét thấy anh H là người có quyền kháng cáo bản án, việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật; người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Do vậy, đơn kháng cáo của anh H là hợp lệ, nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm, anh H và chị T tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giao cháu Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 11/9/2012 và cháu Đỗ Phúc T2, sinh ngày 18/6/2019 cho anh H trực tiếp trông nom, chắm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy anh H và chị T tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thỏa thuận của anh H, chị T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên đây là tình tiết mới, khách quan; do vậy, sửa phần về con chung đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 90/2024/HNGĐ-ST, ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, là công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là giao cháu Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 11/9/2012 và cháu Đỗ Phúc T2, sinh ngày 18/6/2019 cho anh H trực tiếp trông nom, chắm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H và chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về nội dung khác của bản án sơ thẩm: Do không có kháng cáo, kháng nghị, nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm anh H và chị T cùng nhau tự thỏa thuận về người chịu tiền án phí, nên anh H chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Điều 147; 148; Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Quốc H; sửa phần về con chung của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 90/2024/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, sư sau:

Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Giao cháu Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2012 và cháu Đỗ Phúc T2, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2019 cho anh Đỗ Quốc H trực tiếp trông nom, chắm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đỗ Quốc H và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Đỗ Quốc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/24; Số: 0001650, ngày 09/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Đỗ Quốc H đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND TT. Sơn Dương, huyện SD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND tỉnh TQ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Nam **Triệu Ngọc Thức** **Trần Anh Tuấn**